

ANALYZING THE ERRORS OF STUDENTS OF LAO CAI CHINESE LANGUAGE TRAINING CENTER IN THE FLEXIBLE USE OF THE INTERROGATIVE PRONOUN “什么” AND SOME RECOMMENDATIONS IN TEACHING

Do Huyen Nghia

Chinese language training Center of Lao Cai College

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 01/11/2023 Revised: 24/11/2023 Published: 24/11/2023	The flexible use of the interrogative pronoun “什么” (what) has many similar characteristics to Vietnamese. However, there are also differences. This is both an advantage and a difficulty for learners in the process of acquiring Chinese. Through a survey of reality, the study aims to analyze some common errors that learners often make when using the flexible use of the interrogative pronoun “什么”, including errors in using wrong words, errors in excess words, errors in missing words, and errors in using words in the wrong place. Research results show that the reasons learners make mistakes are often due to the influence of their mother tongue, the influence of the target language rules. Teachers do not really teach the right focus, and students do not have appropriate learning methods. In addition, some shortcomings of the textbook are also the cause of errors. The article also proposes some teaching recommendations to overcome the above errors.
KEYWORDS Error analysis Flexible usage 什么 Teaching recommendations Chinese	

PHÂN TÍCH LỖI SAI CỦA HỌC VIÊN TRUNG TÂM ĐÀO TẠO HÁN NGỮ LÀO CAI TRONG CÁCH DÙNG LINH HOẠT CỦA ĐẠI TỪ NGHI VẤN “什么” VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ DẠY HỌC

Đỗ Huyền Nghĩa

Trung tâm đào tạo Hán ngữ - Trường Cao đẳng Lào Cai

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 01/11/2023 Ngày hoàn thiện: 24/11/2023 Ngày đăng: 24/11/2023	Cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn “什么” (gì, cái gì) có nhiều đặc điểm tương đồng với tiếng Việt, tuy nhiên, cũng có những điểm khác biệt. Đây vừa là lợi thế vừa là điểm khó đối với người học trong quá trình thụ đắc tiếng Trung Quốc. Thông qua việc khảo sát thực tế, nghiên cứu nhằm phân tích một số lỗi sai mà người học thường mắc phải khi sử dụng cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn “什么” bao gồm lỗi dùng nhầm từ, lỗi thừa từ, lỗi thiếu từ và lỗi dùng từ sai vị trí. Kết quả nghiên cứu chỉ ra nguyên nhân người học mắc lỗi thường là do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, ảnh hưởng từ các quy tắc của ngôn ngữ đích, hay giáo viên chưa thực sự dạy đúng trọng tâm, học viên chưa có phương pháp học phù hợp. Ngoài ra, một số tồn tại của giáo trình cũng là nguyên nhân dẫn đến lỗi sai. Bài viết cũng đề xuất một số kiến nghị dạy học để khắc phục những lỗi sai trên.
TỪ KHÓA Phân tích lỗi sai Cách dùng linh hoạt 什么 Kiến nghị dạy học Tiếng Hán	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9106>

Email: huyennghialc@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Đại từ nghi vấn “什么” dùng để hỏi sự vật. Ví dụ: “山的那边是什么?” (Bên kia dãy núi là cái gì?). Về chức năng ngữ pháp, đại từ nghi vấn “什么” có thể là chủ ngữ, định ngữ, trạng ngữ [1]. Ngoài ra, đại từ nghi vấn “什么” trong một ngữ cảnh nhất định nào đó còn có thể dùng để chỉ bất kỳ sự vật gì, hoạt hư chỉ, không chỉ định một vật gì, hoặc có tác dụng phản vấn [2]. Ví dụ: “我想在超市买点儿什么带回家。” (Tôi muốn mua một chút gì đó đem về nhà.) Hoặc “你想吃什么就吃什么。” (Bạn muốn ăn cái gì thì ăn cái này.) Trong hai câu này, “什么” không dùng để hỏi mua cái gì hay ăn cái gì, mà là để chỉ bất kỳ cái gì.

Phân loại cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn đến nay vẫn có nhiều ý kiến khác nhau [3]. Đa số đều là do cách gọi khác nhau, hoặc đứng từ những góc độ khác nhau. Quan điểm phổ biến nhất là chia cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn thành ba loại: phiếm chỉ, hư chỉ, phản vấn [4]. Phiếm chỉ có nghĩa là đại từ nghi vấn thay thế bất cứ một vật gì. Hư chỉ là để thay thế những sự vật không thể nói ra được [5]. Phản vấn là sử dụng hình thức câu nghi vấn nhưng lại không phải có ý không biết mà hỏi, thực tế chức năng của nó như một câu trần thuật [4].

Hiện đã có một số công trình nghiên cứu so sánh cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn trong tiếng Hán và tiếng Việt như nghiên cứu của Nguyễn Thị Thừa [6], Bùi Huy Cường [7]. Song những công trình này chưa tập trung vào phân tích lỗi sai mà người học thường mắc phải. Các nghiên cứu của Lưu Hón Vũ [8], Nguyễn Thị Trà và Nguyễn Thị Hải Yến [9] tuy có phân tích lỗi sai của người học nhưng chưa đề cập đến lỗi sai trong cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn. Một số công trình nghiên cứu khác như luận văn thạc sĩ của Liu [10] có khảo sát về lỗi sai của người học trong cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn, tuy nhiên đối tượng nghiên cứu là lỗi sai của người học ở trình độ cao cấp và đối tượng khảo sát đa số là người châu Âu.

Việc nghiên cứu lỗi sai có tính quan trọng nhất định đối với người dạy, người học và người nghiên cứu. Có ba lý do chính, thứ nhất, lỗi sai có thể giúp người dạy hiểu được tình hình ngôn ngữ của người học; thứ hai, lỗi sai có thể giúp người nghiên cứu hiểu được người học học ngôn ngữ như thế nào; thứ ba, lỗi sai là công cụ để người học phát hiện những quy tắc của ngôn ngữ đích [11]. Lỗi sai của người học không hề đáng sợ, lỗi sai thể hiện sự phát triển ngôn ngữ của người học. Trong quá trình học ngôn ngữ thứ hai, phát sinh lỗi sai là chuyện hoàn toàn bình thường, người học sẽ trải qua quá trình “không hiểu ----- xuất hiện lỗi sai ----- sử dụng đúng”. Nghiên cứu lỗi sai của người học sẽ giúp người dạy hiểu tốt hơn quá trình phát triển ngôn ngữ của người học, từ đó có những giải pháp hữu hiệu cho việc dạy học.

Để giao tiếp thành công và đạt hiệu quả cao, người học ngoại ngữ cần nắm chắc và vận dụng được các quy tắc ngữ pháp [12]. Tuy nhiên đa số học viên là người vừa đi học vừa đi làm, không có nhiều thời gian tập trung cho việc học, nhưng lại muốn có thể sử dụng tiếng Trung thành thạo trong thời gian ngắn nhất. Chính vì vậy người học chỉ tập trung học từ vựng mà không chú trọng đến việc học ngữ pháp, dẫn đến tình trạng nhiều học viên đã học đến trình độ HSK 3 trở lên nhưng nói và viết vẫn còn lúng túng, sai ngữ pháp. Học viên luôn mong muốn được giảng viên sửa lỗi [13] để nâng cao trình độ nghe, nói, đọc, viết của bản thân.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp khảo sát để thu thập dữ liệu thực tế có độ tin cậy lớn. Tiếp đó, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích lỗi (Error Analysis) của Corder [11] để phân tích các lỗi sai do cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn “什么” gây nên, từ đó tìm ra nguyên nhân gây ra lỗi.

Ngữ liệu nghiên cứu của chúng tôi bao gồm bài tập về nhà của học viên Trung tâm đào tạo Hán ngữ Lào Cai trình độ HSK3, HSK4 trong các năm gần đây và kết quả phiếu điều tra do chúng tôi thiết kế.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thống kê lỗi sai trong cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn “什么”

Những lỗi sai trong nghiên cứu này được thống kê từ các bài tập về nhà của học viên và phiếu khảo sát do chúng tôi thiết kế. Đối tượng khảo sát là những học viên đã và đang học tiếng Trung Quốc trình độ HSK3 trở lên.

3.1.1. Lỗi sai trong bài tập về nhà của học viên

Những lỗi sai xuất hiện trong bài tập về nhà là rất đáng tin cậy, chúng là những dữ liệu tự nhiên. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Lỗi sai trong bài tập về nhà của học viên

Số lượng và tỉ lệ lỗi sai trong cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn 什么 thông qua bài tập về nhà		
Tổng số lần xuất hiện	Số lần xuất hiện lỗi sai	Tỉ lệ lỗi sai
103	16	15,5%

Từ kết quả thống kê trên cho thấy tần suất sử dụng cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn 什么 là tương đối lớn, tỉ lệ xuất hiện lỗi sai của học viên cũng không nhỏ.

3.1.2. Lỗi sai trong phiếu điều tra

Phiếu điều tra gồm 15 câu hỏi lựa chọn đáp án và phán đoán đúng sai. Chúng tôi đã thu về tất cả 75 phiếu. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Lỗi sai trong phiếu điều tra

Số lượng và tỉ lệ lỗi sai trong cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn 什么 thông qua khảo sát		
Tổng số lần xuất hiện	Số lần xuất hiện lỗi sai	Tỉ lệ lỗi sai
1125	388	34,5%

Từ kết quả trên cho thấy, lỗi sai thống kê được qua phiếu điều tra lớn hơn rất nhiều trong các bài tập về nhà. Điều này cũng phản ánh thực tế cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn 什么 là một điểm ngữ pháp khó, việc học sinh mắc lỗi là tương đối phổ biến.

3.2. Phân tích lỗi sai trong cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn “什么”

Cách dùng phiếm chỉ của đại từ nghi vấn “什么” là dùng để chỉ bất cứ thứ gì [14], thay thế bất cứ một vật gì [5], không có bất kỳ ngoại lệ nào trong phạm vi được đề cập [15]. Về cấu trúc ngữ pháp, cách dùng phiếm chỉ thường có hai dạng: “.....都/也.....” (... đều/cũng ...) hoặc “不管/无论.....(都)” (cho dù/bất luận... cũng/đều....) và “什么.....什么” (cái gì....cái nấy).

Ví dụ:

(1) 做什么事, 我都对自己有信心的, 哪怕做得不好也好, 我都不灰心的。(Làm bất cứ việc gì, tôi đều có niềm tin vào bản thân, cho dù làm không tốt đi nữa, tôi cũng không nản lòng.)

(2) 你想吃什么就吃什么, 不要客气。(Bạn muốn ăn cái gì thì ăn cái nấy, đừng khách sáo.)

Về cách dùng hư chỉ, các học giả cho rằng: biểu thị không biết [14], để thay thế những sự vật không thể nói ra được [5]. Cấu trúc ngữ pháp thường là: “.....不出什么 来” (không... ra cái gì), “都给什么了” (đã... cái gì/đâu mất rồi), “没有.....什么” (không (có)...gì/ cái gì).

Ví dụ:

(3) 我忘了在什么地方跟他见面。(Tôi quên mất đã gặp anh ấy ở chỗ nào rồi.)

Cách dùng phản vấn không phải để hỏi thông tin mà là có tác dụng nhấn mạnh, có khi dùng để khẳng định [14].

Ví dụ:

(4) 外面雨已经停了，你担心什么？

(Ngoài trời mưa đã tạnh, anh lo cái gì nào?)

3.2.1. Lỗi nhầm từ

➤ Trong cách dùng phiếm chỉ

(1) *无论{什么}发展，我们都不应该破坏环境。

(2) *无论他{说什么}服我，我还是要去留学。

(3) *你吃什么，我就吃{那个}。

(4) *他不知道理由在哪儿。

Giải thích và cách sửa: Trong ví dụ (1) xuất hiện “无论”、“都”， phù hợp với điều kiện của cách dùng chỉ bất kỳ, “什么” dùng để tu sức cho danh từ, tuy nhiên “发展” là động từ, nên trong câu này “什么” đã bị sử dụng nhầm, đại từ đúng phải là “怎么”. Trong ví dụ (2), “说服” là động từ song âm tiết, nhưng học viên đã nhầm sang cách dùng của động từ ly hợp nên đã thêm “什么” vào giữa, tuy nhiên, trong trường hợp này câu mang nghĩa “无论他怎么说服我”, vậy đại từ nên dùng ở đây là “怎么”. Trong ví dụ (3), phó từ “就” biểu thị quan hệ nguyên nhân, kết quả, do vậy kết cấu hai phân câu trước sau là như nhau, ở đây, học viên dùng “那个” là không đúng kết cấu, phải thay bằng “什么”. Trong ví dụ (4), đại từ “哪儿” biểu thị địa điểm, trong khi đó, ý của câu là “không biết lý do là gì”, vậy câu cần sửa lại là “他不知道理由是什么”.

➤ Trong cách dùng hư chỉ

(5) *不知道他做得{什么}了。

(6) *我不知道汉语{什么}说。

Giải thích và cách sửa: Ví dụ (5) không phải đề cập đến vật, mà là nói đến mức độ, trạng thái, cấu trúc biểu thị trình độ là “他做得怎么样”, vậy câu này cần sửa lại đại từ “什么” thành đại từ “怎么样”. Trong ví dụ (6), “说” là động từ, đứng trước động từ phải là trạng ngữ “怎么” chứ không thể là “什么”.

➤ Trong cách dùng phản vấn

(7) *他{什么}会让别人帮他做汉语作业呢？

(8) *另一个朋友说，还靠父母的钱学习，你又{什么}学习？

(9) *他来自农村，{什么}可能有那么多钱来治病呢？

Giải thích và cách sửa: Khi “什么” làm định ngữ, phía sau nó thường là danh từ, còn “怎么” lại thường đứng trước động từ để hỏi về tính trạng, tính chất, phương thức, nguyên nhân hành động. Các ví dụ (7), (8), (9), từ “什么” đều nên thay bằng “怎么”. Lỗi sai này cũng có thể là do sai chính tả, tuy nhiên cũng không loại trừ khả năng dùng nhầm đại từ.

3.2.2. Lỗi thừa từ

➤ Trong cách dùng phiếm chỉ

(10) *以前，我{什么}一种才艺也不会，可是现在我学会了弹钢琴，可以弹了一些流行歌曲。

Giải thích và cách sửa: Bản thân “一种才艺也不会” đã mang nghĩa là “môn nghệ thuật gì cũng không biết”, nên câu thêm từ “什么” khiến câu bị lỗi lặp ý, học viên do chưa chú ý đến trong câu có một số từ bản thân nó đã mang nghĩa “không có ngoại lệ”.

➤ Trong cách dùng hư chỉ

(11) *吸烟对个人健康一点都没有{什么}好处。

(12) *我听了爸爸以后没说{什么}半句话。

(13) *人可以自己去买{什么}东西吃，但小猫就不能了。

Giải thích và cách sửa: Trong câu (11) “吸烟对个人健康一点都没有什么好处” trước “好处” thêm từ “什么” khiến câu mang ngữ khí nhẹ nhàng hơn; tuy nhiên, tác hại của việc hút thuốc đều

đã được mọi người công nhận, ở đây không cần thêm ngữ khí nhẹ nhàng, do đó, “什么” trong câu này là bị thừa. Câu cần sửa lại thành “吸烟对个人健康一点好处都没有。” Câu (12) “没说什么半句话” là nhấn mạnh “nửa câu cũng không nói” chứ không phải là “nửa câu gì cũng không nói”, do đó, “什么” là bị thừa. Câu cần sửa thành “我听了爸爸以后半句话都没说。”. Tương tự, câu (13) “可以自己去买什么东西吃” chỉ là nhấn mạnh việc đi mua đồ, chứ không phải hỏi “mua cái gì”, cho nên nên bỏ từ “什么” đi.

3.2.3. Lỗi thiếu từ

➤ Trong cách dùng phiếm chỉ

(14) *无论情况, 我都要去一趟看看。

Giải thích và cách sửa: “无论情况” thì phía trước “情况” thiếu mất định ngữ, “无论” và “都” cùng xuất hiện biểu thị không có ngoại lệ nào, dựa vào nghĩa của câu thì ở đây cần thêm “什么”.

➤ Trong cách dùng hư chỉ

(15) *这件事对我们来说没有不好的。

(16) *谁知道他吃错了东西呢。

Giải thích và cách sửa: Khi “什么” biểu thị hư chỉ là không cần nói rõ ràng ra, khi dùng sau “没” hoặc “没有” còn có thể biểu thị ngữ khí nhẹ nhàng, uyển chuyển, lịch sự. Câu (15) ý của học viên là “这件事对我么来说没什么不好的” (việc này đối với chúng tôi mà nói không có gì là không tốt), “没什么不好” biểu thị ngữ khí nhẹ nhàng, càng dễ để người khác tiếp nhận hơn. Tương tự, câu (16), ý học viên muốn biểu đạt ý hoài nghi là “他吃错了什么东西” (anh ta ăn nhầm thứ gì rồi), chứ không phải khẳng định là “他吃错了东西” (anh ta ăn nhầm đồ rồi).

➤ Trong cách dùng phản vấn

(17) A:听说你不喜欢学汉语?

*B:我{什么时}说过啊?

Giải thích và cách sửa: Học viên mắc lỗi này khi dịch câu Việt sang Trung, đã dịch trực tiếp từng âm tiết sang tiếng Trung Quốc nên dẫn đến lỗi sai vừa thiếu âm tiết. Trong tiếng Việt “lúc” hoặc “khi” chỉ có một âm tiết, trong tiếng Trung có trường hợp dùng một âm tiết là “时”, có trường hợp phải dùng hai âm tiết là “时候”. Trong trường hợp này, “什么” là từ hai âm tiết nên phía sau cũng phải là một từ hai âm tiết. Vậy, câu này nên sửa là “我什么时候说过啊?”

3.2.4. Lỗi sai vị trí

➤ Trong cách dùng phiếm chỉ

(18) *我{苦什么}都能吃。

(19) *我{能克服什么困难}。

(20) *沙巴风景很美, 天气也很好, {很多种类的风味儿什么}都有。

Giải thích và cách sửa: Trong ví dụ (18), “苦” là danh từ, là trung tâm ngữ của định ngữ “什么”, trong tiếng Trung, định ngữ phải đứng trước trung tâm ngữ, vậy “什么” phải đặt trước “苦” mới đúng. Câu (19), học viên muốn dùng “什么” để biểu thị bất kỳ, nhưng lại thiếu phó từ “都” biểu thị hô ứng, nên sửa thành “我什么困难都能克服”. Câu (20), bản thân “很多种类的风味儿什么都有” đã là một câu sai, “很多种类” và “什么都有” bị lặp nghĩa, vậy nên cần sửa lại thành “什么风味儿都有” sẽ hợp lý hơn, cũng có nghĩa là “什么” phải đứng trước tu sức cho “风味儿”.

3.3. Nguyên nhân dẫn đến lỗi sai

3.3.1. Chịu ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ

Học viên tại Trung tâm đều là những người trưởng thành, hệ thống ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt đều đã được hình thành hoàn toàn. Trong quá trình học tiếng Trung, học viên đều chịu

sự ảnh hưởng của tiếng Việt vốn có của bản thân. Hai ngôn ngữ có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt.

Trong cách dùng chỉ bất kỳ của tiếng Việt, cấu trúc quen thuộc là “cái gì... cái này”. Tuy nhiên, trong tiếng Trung lại chỉ sử dụng một đại từ “什么” ở cả hai phân câu. Chính vì chịu sự ảnh hưởng của tiếng Việt nên đa số học sinh đều mắc lỗi ở cách dùng này. Ví dụ:

*你喜歡吃什麼就吃那個吧。”

Lỗi sai ở trật tự từ cũng là lỗi sai chủ yếu do ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ. Trong tiếng Việt và tiếng Trung, trật tự từ giữa định ngữ và trung tâm ngữ là ngược nhau. Khi học viên dịch Việt sang Trung thường mắc phải lỗi này. Ví dụ:

*我{苦什麼}都能吃。

3.3.2. Chịu ảnh hưởng bởi các quy tắc của ngôn ngữ đích

Học viên đều là người lớn, có năng lực tưởng tượng và tư duy riêng biệt, khi học tập họ sẽ tự tiến hành phân tích, tổng hợp, đúc kết ra một quy luật, cấu trúc nào đó, sau đó sẽ đem cái đúc kết được này làm quy tắc. Khi họ áp dụng quy tắc này một cách máy móc lên những trường hợp khác, sẽ dễ dẫn đến lỗi sai. Lỗi sai như này là do chịu ảnh hưởng từ chính ngôn ngữ đích gây ra.

Ví dụ, khi “什么” biểu thị hư chỉ, có thể dùng để chỉ người, việc, vật, nguyên nhân, mục đích, địa điểm... không xác định. Sau khi học viên học đến cách sử dụng này thường sẽ xuất hiện hiện tượng sử dụng một cách thái quá. Ví dụ:

*这样一來，我們可以知道，在生活中常常會遇到什麼困難的問題。

Khi “什么” biểu thị người hoặc vật không xác định, đôi khi có thể lược bỏ, ý nghĩa của câu không thay đổi, ngữ khí của câu càng rõ ràng, trực tiếp hơn. Trong ví dụ trên không cần dùng “什么”, bởi vì “trong cuộc sống thường gặp phải khó khăn” ở đây chỉ là nhắc đến một khó khăn bất kỳ nào đó, chứ không có ý nhấn mạnh khó khăn đó là khó khăn gì. Vậy câu này dùng từ “什么” là thừa.

3.3.3. Giáo viên giảng dạy thiếu trọng tâm, học viên chưa có phương pháp học phù hợp

Qua thống kê lỗi sai ở bài tập về nhà của học viên, chúng tôi thấy có nhiều học viên ở trình độ cao nhưng vẫn mắc lỗi lặp lại. Điều này cho thấy việc dạy học điểm ngữ pháp này còn tồn tại một số vấn đề, hiệu quả giảng dạy không thực sự cao. Ví dụ trong cách dùng chỉ bất kỳ, nhiều học viên thường dùng nhầm đại từ ở phân câu sau. Khi nhận thấy đây là một lỗi sai thường xuyên xuất hiện, giáo viên nên tập trung giải thích và cho học viên luyện tập nhiều hơn. Tuy nhiên, điều kiện thời gian cho mỗi điểm ngữ pháp có hạn, điều này cũng ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy trên lớp.

Phương pháp học tập của học viên chưa thực sự phù hợp. Là chủ thể của việc học tập, phương pháp học tập của học viên ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả học tập. Học viên cần tích cực học tập, luyện tập lặp lại để đạt được kết quả học tập tốt. Tuy nhiên, đa số học viên tại trung tâm đều là học viên vừa học vừa làm. Thời gian học chủ yếu là ở trên lớp, gần như phụ thuộc hoàn toàn vào bài giảng của giáo viên, không có thời gian học tập ở nhà. Kiến thức không được ôn tập, luyện tập cũng dẫn đến những lỗi sai trong quá trình vận dụng.

3.3.4. Tồn tại của giáo trình

Giáo trình hiện sử dụng tại Trung tâm là bộ giáo trình tiêu chuẩn HSK (HSK标准教程). Bộ giáo trình có nhiều ưu điểm, đặc biệt phù hợp với từng trình độ HSK mà người học cần đạt được. Tuy nhiên, về nội dung ngữ pháp cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn còn chưa được sắp xếp thực sự hợp lý. Cách dùng hư chỉ tương đối khó nhưng lại xuất hiện trước.

3.4. Một số kiến nghị

3.4.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy

Mỗi giai đoạn học ngoại ngữ cần có những phương pháp dạy học phù hợp [16]. Giáo viên cần chú ý đến từng giai đoạn dạy học, đặc biệt là vấn đề lặp lại kiến thức và xác định trọng tâm, độ

khó của kiến thức đối với học viên. Các bước lên lớp và tốc độ giảng giải cũng cần được thay đổi. Giáo viên giảng ít, học viên luyện nhiều, không ngừng sửa lỗi sai của học viên.

Phương pháp giảng dạy của giáo viên cần linh hoạt, đa dạng. Khi lên lớp không thể chỉ cứ dạy một mạch theo giáo án, mà cần dự kiến, phân tích những khó khăn học viên có thể mắc phải để điều chỉnh nội dung giảng dạy, quyết định trọng tâm kiến thức. Ngoài ra, nội dung có liên quan trong giáo trình tương đối ít, giáo viên nên thiết kế thêm nhiều dạng bài tập để học viên có cơ hội luyện tập nhiều hơn, bổ sung những tồn tại của giáo trình. Các dạng bài tập có thể là trắc nghiệm khách quan, đưa ra những đại từ học viên dễ nhầm lẫn để học viên có ý thức quan sát, tập trung hơn. Bài tập cũng có thể thiết kế ở dạng mang tính chủ quan như thảo luận nhóm, đối thoại giao tiếp, viết đoạn văn và thuyết trình.

Tại mỗi giai đoạn học tập, giáo viên cũng nên chú ý việc sử dụng ngôn ngữ phù hợp. Ở giai đoạn HSK 3, việc dạy cấu trúc và ngữ nghĩa là trọng tâm. Học viên có một kiến thức nền tốt mới có thể học tiếp lên trình độ cao hơn. Để kết hợp cấu trúc câu và ngữ nghĩa, giáo viên nên cho học viên luyện tập câu thay thế, thiết kế ngữ cảnh phù hợp để học viên vận dụng. Như vậy, học viên có thể nắm vững ngữ nghĩa hơn là chỉ học một cấu trúc ngữ pháp khô khan.

3.4.2. Kết hợp với tiếng mẹ đẻ

Chúng tôi kiến nghị khi dạy học, giảng viên nên tiến hành so sánh, phân tích, tìm ra điểm giống và khác nhau trong tiếng Việt và tiếng Trung Quốc. Kết hợp những điểm giống nhau trong giảng dạy, học sinh sẽ dễ tiếp thu hơn. Ngược lại, với những điểm khác nhau thì nên phân tích kỹ, để học viên tránh bị mắc lỗi.

3.4.3. Kiến nghị đối với học viên

Thời gian học tập trên lớp là có hạn, để nâng cao hiệu quả học tập, học viên cần dành nhiều thời gian luyện tập ở nhà hơn. Học viên thông qua luyện tập, củng cố kiến thức, có ý thức vận dụng ngữ pháp vào thực tế giao tiếp, vì mục đích cuối cùng vẫn là hướng đến giao tiếp.

4. Kết luận

Trong quá trình dạy tiếng Trung Quốc, việc giảng dạy ngữ pháp tuy chiếm lượng thời gian không nhiều song chúng có vai trò rất quan trọng, là nền tảng cho học viên nắm vững và sử dụng thành thạo ngôn ngữ sau này. Khi học cách sử dụng linh hoạt của đại từ nghi vấn, đặc biệt là đại từ nghi vấn “什么”, học viên thường mắc phải một số lỗi như nhầm từ, thừa từ, thiếu từ và sai vị trí. Nguyên nhân thường là do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; suy luận quy tắc ngôn ngữ đích một cách thái quá; giáo viên chưa thực sự dạy đúng trọng tâm, học viên chưa có phương pháp học phù hợp; ngoài ra một số tồn tại của giáo trình cũng là nguyên nhân dẫn đến lỗi sai của học viên.

Giáo viên với vai trò là người giảng dạy phải sử dụng những phương pháp phù hợp trong quá trình giảng dạy ngữ pháp để đạt được mục đích tiết học đề ra. Trong quá trình soạn bài, giáo viên phải lựa chọn kỹ năng, phân tích, đánh giá cho phù hợp, đảm bảo chuẩn kiến thức và chọn các cách thiết kế bài tập đa dạng để tạo hứng thú cho học viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] L. K. A. Ha, “Analysis of contrastive levels of Chinese-Vietnamese grammar and related grammatical errors of Vietnamese learners,” Master Thesis, Sun Yat-sen University, China, 2003.
- [2] B. R. Huang and Z. D. Liu, *Modern Chinese*. Higher Education Press, China, 1997.
- [3] M. M. Huang, “Non-interrogative uses of the interrogative pronoun what,” *Modern Chinese (Language Research)*, vol. 1, pp. 59-60, 2012.
- [4] S. S. Ding, *Modern Chinese Grammar Speech*. Business Press, China, 1979.
- [5] L. Wang, *Chinese Grammar Theory*. Zhonghua Book Company Press, China, 1954.
- [6] T. T. Nguyen, “A study on the non-interrogative usage of some interrogative pronouns in modern Chinese,” Master Thesis, University of Foreign Languages - Hanoi National University, 2010.

-
- [7] H. C. Bui, "A comparative study on the non-interrogative usage of interrogative pronouns in Vietnamese and Chinese," *Chinese education and research*, vol. 4, pp. 79-87, 2017.
- [8] H. V. Luu, "An analysis of errors in Chinese separate words by Vietnamese students," *Journal of Language and Life*, vol. 308, no. 2, pp. 63-67, 2021.
- [9] T. T. Ngo and T. H. Y. Nguyen, "An analysis of errors in using the modal verb "yao" made by Chinese - major students at the School of Foreign Languages - Thai Nguyen University," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 225, no. 7, pp. 427-433, 2020.
- [10] K. Liu, "An investigation into the errors in the non-interrogative usage of interrogative pronouns and their teaching implications—focusing on foreign students with advanced Chinese proficiency," Master Thesis, Chongqing University, China, 2012.
- [11] S. P. Corder, "The Significance of Learners' Errors," *International Review of Applied Linguistics in Language Teaching*, vol. 5, pp. 161-170, 1967.
- [12] D. H. Nguyen, "An analysis of grammatical errors in the Chinese proficiency oral test of Vietnamese students," *VNU Journal of Foreign Studies*, vol. 39, no. 1, pp. 77-94, 2023.
- [13] H. V. Luu, "Vietnamese students' learning needs of Chinese as a second foreign language: A case of English majorsof Ho Chi Minh University of Banking," *VNU Journal of Foreign Studies*, vol. 38, no. 2, pp. 140-150, 2022.
- [14] S. X. Lu, *Modern Chinese pronouns*. Xuelin Press, China, 1954.
- [15] D. X. Zhu, *Grammar handout*. Business Press, China, 2000.
- [16] X. B. Zhou, *Introduction to Modern Chinese Teaching*. Sun Yat-sen University Press, China, 2002.